

Số : 1542/QĐ-ĐHNL-KHTC

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

V/v quy định mức học phí đào tạo bậc đại học hệ văn bằng 2 năm học 2018-2019 áp dụng đối với sinh viên đăng ký học bổ sung để đi thực tập nghề tại nước ngoài

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 2/10/2015 của Thủ tướng chính phủ về việc Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ tài chính, Bộ Lao động thương binh xã hội về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/3/2014 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22/10/2015 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các đơn vị cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc.

Theo đề nghị của các ông, bà: Trưởng phòng kế hoạch tài chính, Giám đốc Trung tâm đào tạo và Phát triển quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức học phí đào tạo bậc đại học hệ văn bằng 2 năm học 2018-2019 áp dụng đối với sinh viên đăng ký học bổ sung để đi thực tập nghề tại nước ngoài.

(Có quy định cụ thể kèm theo)

Sinh viên đào tạo hệ văn bằng 2 không thuộc đối tượng trên vẫn áp dụng mức thu học phí theo Quyết định số 1004/QĐ-KHTC ngày 23/7/2018.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông, bà: Trưởng phòng kế hoạch tài chính, Trưởng phòng đào tạo, Giám đốc Trung tâm Đào tạo & Phát triển quốc tế và thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *ND*

- Như điều 3 (để thực hiện);
- BGH (để báo cáo);
- Lưu VT, KHTC.

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

TS. Trần Văn Điền

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 10 năm 2018

**QUY ĐỊNH MỨC HỌC PHÍ ĐÀO TẠO BẠC ĐẠI HỌC HỆ VĂN BẰNG 2 NĂM HỌC
2018-2019 ÁP DỤNG ĐỐI VỚI SINH VIÊN ĐĂNG KÝ HỌC BỔ SUNG ĐỂ ĐI THỰC
TẬP NGHỀ TẠI NƯỚC NGOÀI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1542/QĐ-ĐHNL-KHTC ngày 30 tháng 10 năm 2018))

| TT | Ngành/Chuyên ngành đào tạo | Mức thu học phí theo tháng (đồng/tháng) | Mức thu học phí quy đổi theo tín chỉ (đồng/1 TC) |
|----|--|---|--|
| 1 | Chăn nuôi: Chăn nuôi thú y | 810.000 | 243.700 |
| 2 | Nuôi trồng thủy sản | 810.000 | 243.700 |
| 3 | Phát triển nông thôn | 810.000 | 243.700 |
| 4 | Kinh tế nông nghiệp | 810.000 | 243.700 |
| 5 | Khuyến nông | 810.000 | 243.700 |
| 6 | Quản lý tài nguyên rừng: Quản lý tài nguyên rừng; | 810.000 | 243.700 |
| 7 | Lâm nghiệp: Lâm nghiệp; Nông Lâm kết hợp | 810.000 | 243.700 |
| 8 | Khoa học cây trồng: Trồng trọt | 810.000 | 243.700 |
| 9 | Khoa học môi trường | 960.000 | 321.200 |
| 10 | Quản lý đất đai: Quản lý đất đai; Địa chính - Môi trường | 960.000 | 321.200 |
| 11 | Công nghệ sinh học | 960.000 | 321.200 |
| 12 | Công nghệ thực phẩm: Công nghệ thực phẩm | 960.000 | 321.200 |
| 13 | Thú y: Thú y | 960.000 | 321.200 |